

Số: 256/TB-ND

Quận 1, ngày 20 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v Các khoản thu năm học 2023 - 2024

Căn cứ các văn bản pháp lý:

Căn cứ nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo nghị định số 81/2021 ngày 27 tháng 8 năm 2021 của chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024 (Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND);

Căn cứ Công văn số 2696/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính Phủ;

Căn cứ quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại công văn số 3979 ngày 27 tháng 10 năm 2022 và triển khai nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố; công văn số 3770/UBND-VX ngày 03 tháng 8 năm 2023 về triển khai nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân Thành phố;

Căn cứ Công văn số 4687/SGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 08 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 5577/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về chấn chỉnh công tác thu, chi đầu năm học; vận động tài trợ cho giáo dục và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số 3710/UBND-GDĐT ngày 18 tháng 10 năm 2023 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục trên địa bàn Quận 1;

Căn cứ biên bản trong buổi họp CMHS toàn trường ngày 15/10/2023 được sự nhất trí của CMHS về các khoản thu hộ và thu theo thỏa thuận năm học 2023 - 2024.

Nay, nhà trường thông báo đến Quý Cha mẹ học sinh, học sinh và CB-GV-CNV **Các khoản thu năm học 2023 - 2024** (Đính kèm).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT Q1;
- Cha mẹ HS;
- Toàn thể CB-GV-NV;
- KT-TQ;
- Lưu VT, web.



HIỆU TRƯỞNG

nam

Nguyễn Đoàn Trang

CÁC KHOẢN THU CÁC LỚP
NĂM HỌC 2023 – 2024

1. Thu học phí

STT	Nội dung thu	Mức thu
1	Tiền học phí	Chờ hướng dẫn của các cấp

Không thu tiền cơ sở vật chất.

Tổng số tháng thu học phí là 9 tháng/ năm học, học phí được thu theo từng tháng.

Các trường hợp được miễn giảm học phí - Theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

a. Đối tượng được miễn 100% học phí:

Học sinh là thân nhân của người có công cách mạng.

Học sinh khuyết tật.

Học sinh mồ côi cha mẹ không có nguồn nuôi dưỡng.

Học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà thuộc diện hộ nghèo theo qui định của Thủ tướng chính phủ.

Học sinh là con của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

b. Đối tượng được giảm 50% học phí:

Học sinh là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà thuộc diện hộ cận nghèo theo qui định của Thủ tướng chính phủ.

2. Thu khác

2.1. Thu hộ-chi hộ

STT	Nội dung thu	Mức thu
1	Tiền học phẩm	25.000đ/năm
2	Tiền ăn (ăn trưa)	35.000đ/ngày
3	Tiền nước uống	20.000đ/tháng
4	Tiền điện và bảo trì máy lạnh	35.000đ/tháng
5	Tiền sử dụng K12 online	100.000đ/năm
6	Tiền enetViet	25.000đ/tháng
7	Bảo hiểm y tế	680.400đ/HS/năm
8	Khám sức khỏe học sinh	40.000đ/năm (Khối 6) 30.000đ/năm

2.2. Thu theo thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh

STT	Nội dung thu	Mức thu
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý, vệ sinh bán trú	300.000đ/tháng 250.000đ/tháng
2	Tiền thiết bị, vật dụng phục vụ HSBT – Bếp ăn công nghiệp	150.000đ/năm
3	Tiền học môn Tin học theo chuẩn quốc tế	180.000đ/tháng

4	Tiền học kỹ năng thực hành xã hội	80.000đ/tháng
5	Tiền học Stem	180.000đ/tháng
6	Tiền học các tiết CLB (KHTN, Toán, đọc sách, thực tiễn ...)	40.000đ – 80.000đ – 100.000đ/ tháng Tùy theo số tiết của từng khối
7	Tiền học tiếng Anh giao tiếp với người nước ngoài	260.000đ/tháng
8	Đối với các hoạt động tổ chức các lớp học theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh Tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” thực hiện theo Quyết định 5695/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh Tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” tại các trường công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	

Cha mẹ học sinh không dùng tiền mặt khi thanh toán các khoản tại trường.

TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU





**CÁC KHOẢN THU CÁC LỚP 9/6 9/7
NĂM HỌC 2023 – 2024**

1. Thu học phí

STT	Nội dung thu	Mức thu
1	Tiền học phí	Chờ hướng dẫn của các cấp

Không thu tiền cơ sở vật chất, tiền vệ sinh.

Tổng số tháng thu học phí là 9 tháng/ năm học, học phí được thu theo từng tháng.

Các trường hợp được miễn giảm học phí - Theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

a. Đối tượng được miễn 100% học phí:

Học sinh là thân nhân của người có công cách mạng.

Học sinh khuyết tật.

Học sinh mồ côi cha mẹ không có nguồn nuôi dưỡng.

Học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà thuộc diện hộ nghèo theo qui định của Thủ tướng chính phủ.

Học sinh là con của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

b. Đối tượng được giảm 50% học phí:

Học sinh là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà thuộc diện hộ cận nghèo theo qui định của Thủ tướng chính phủ.

2. Thu khác

2.1. Thu hộ- chi hộ

STT	Nội dung thu	Mức thu
1	Tiền nước uống	20.000đ/tháng
2	Tiền học phẩm	25.000đ/năm
3	Tiền điện và bảo trì máy lạnh	25.000đ/tháng
4	Tiền sử dụng K12 online	100.000đ/năm
5	Tiền enetViet	25.000đ/tháng
6	Bảo hiểm y tế	680.400đ/HS/năm
7	Khám sức khỏe học sinh	30.000đ/năm

2.2. Thu theo thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh

STT	Nội dung thu	Mức thu
1	Tiền học kỹ năng thực hành xã hội	80.000đ/tháng
2	Tiền học các tiết CLB thực tiễn	40.000đ – 80.000đ/ tháng

Cha mẹ học sinh không dùng tiền mặt khi thanh toán các khoản tại trường.